

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

Policy Orientations for Vocational Training of Rural Labors

Phạm Bảo Dương

Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Địa chỉ email tác giả liên lạc: *pbduong@hva.edu.vn*

Ngày gửi đăng: 06.05.2011; Ngày chấp nhận: 15.08.2011

TÓM TẮT

Việt Nam hiện nay đang có lực lượng lao động nông thôn hùng hậu với khoảng 35 triệu người, chiếm 74% tổng lực lượng lao động cả nước. Mặc dù vậy, thực tế có tới gần 82% số lao động này không có chuyên môn kỹ thuật. Dạy nghề cho lao động nông thôn vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc, phục vụ đắc lực cho công cuộc giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Để làm tốt điều này, bên cạnh việc tăng cường năng lực cho hệ thống dạy nghề, cần mạnh dạn đổi mới phương thức dạy nghề. Bài viết đề xuất một số định hướng chính sách chủ yếu trong việc đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn thời gian tới.

Từ khoá: Đào tạo nghề, định hướng chính sách, lao động nông thôn.

SUMMARY

Vietnam currently possesses a great number of rural labors totaling of about 35 million labors, accounted for 74% total labor force. However, in fact, there are 82% of these rural labors are not trained yet. Vocational training for rural labors are of importance in terms of economic, social and human considerations for sustainable poverty reduction, building up new rural areas, and for the industrialization and modernization process of the nation. To achieve it, besides strengthening capacity of the vocational training system, it is also necessary to renew training mechanism. This article proposes some major policy orientations in spurring vocational training for rural labors.

Key words: Policy orientations, rural labors, vocational training.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, với sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước, sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực nông thôn nước ta đã thu được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, trên thực tế các kết quả đạt được chưa đáp ứng được các yêu cầu phát triển. Đa số nông dân làm nông nghiệp cũng như lao động phi nông nghiệp ở nông thôn đều chưa qua đào tạo chính thức, có rất ít người được đào tạo nghề để có thể tham gia vào các công việc sản xuất quy mô lớn, mang tính công nghiệp. Hệ thống cơ sở

đào tạo nghề nhìn chung còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng đào tạo để có thể đáp ứng được các yêu cầu đa dạng của thị trường lao động (Mạc Tiến Anh, 2010). Chủ trương xã hội hóa công tác đào tạo nghề đã được Đảng và Nhà nước khẳng định từ lâu, tuy nhiên, kết quả đạt được còn nhiều hạn chế, chưa thực sự huy động được toàn xã hội tham gia tích cực vào công việc quan trọng này. Có thể thấy rằng để đạt được mục tiêu xóa đói, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giàu đẹp và công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn thì

việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn là hết sức quan trọng và cấp thiết. Để làm tốt điều này, bên cạnh việc tăng cường năng lực cho hệ thống dạy nghề, cần mạnh dạn đổi mới phương thức dạy nghề (Phạm Vũ Quốc Bình, 2011). Trên cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng lao động nông thôn và năng lực đáp ứng của hệ thống dạy nghề, phân tích các vướng mắc, tồn tại của cơ chế, chính sách đào tạo nghề thời gian qua, bài viết này hướng tới mục tiêu đề xuất một số định hướng chính sách chủ yếu trong việc đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn thời gian tới.

2. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiếp cận hệ thống cung – cầu được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu. Nghiên cứu bắt đầu bằng các phân tích thực trạng nguồn lao động nông thôn, đặc biệt trên phương diện chất lượng nguồn lao động. Tiếp đó là các đánh giá liên qua đến thực trạng nguồn cung đào tạo nghề, thảo luận các bất cập, tồn tại liên quan đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để từ đó đề xuất các giải pháp. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm các số liệu được công bố chính thức của Tổng cục Thống kê, các số liệu thứ cấp của các công trình nghiên cứu và các báo cáo đánh giá có liên quan của các Bộ, ngành (trong đó, chủ yếu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

3.1.1. Thực trạng nguồn lao động nông thôn

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số trung bình cả nước năm 2009 là 86 triệu người, trong đó khu vực nông thôn chiếm 70,4%.

Trong giai đoạn 2000 - 2009, mỗi năm dân số nước ta tăng thêm khoảng 950 nghìn người, đạt tốc độ tăng dân số trung bình 1,15%/năm, trong đó khu vực nông thôn tăng 200 nghìn người/năm và có xu hướng giảm dần. Tổng lực lượng lao động (từ 15 tuổi trở lên) đang làm việc tại thời điểm 1/7 năm 2009 là 55,5 triệu người, chiếm 65% dân số. Giai đoạn 2000 - 2009, lực lượng lao động có việc làm có xu hướng tăng. Số liệu điều tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qua các năm cho thấy khu vực nông thôn là nơi cung cấp nguồn lao động chủ yếu của cả nước (Bảng 1). Hiện nay, do tốc độ đô thị hoá cao trong cả nước cộng với luồng lao động dịch chuyển mạnh mẽ từ nông thôn ra thành thị làm cho tốc độ tăng lao động giai đoạn 2000 - 2009 ở thành thị cao hơn nhiều so với nông thôn (khoảng 3,4% so với gần 2,1%). Điều này đã dẫn đến sự thay đổi cơ cấu lao động nông thôn - thành thị. Năm 1996 lao động nông thôn chiếm khoảng 80% tổng lực lượng lao động, thành thị chỉ chiếm khoảng 20% nhưng đến năm 2006, tỷ lệ này là 75% và 25% và năm 2009 tương ứng là 73,6% và 26,4%. Năm 1996, lực lượng lao động nông thôn có khoảng 28,03 triệu người, đến năm 2006 ước tính khoảng 38,7 triệu người, năm 2009 là 35,12 triệu người. Tuy nhiên, hiện nay và trong tương lai, lao động trong khu vực nông thôn cần giải quyết việc làm sẽ tiếp tục gia tăng. Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, giai đoạn 2004 - 2005, cả nước đã thu hồi hơn 817.400 ha đất nông nghiệp và cứ 1 ha đất nông nghiệp bị thu hồi thì ước tính có khoảng 13 lao động ở nông thôn mất việc làm (con số này ở vùng đồng bằng sông Hồng là 15 người) như vậy tổng số lao động không có việc làm do bị thu hồi đất nông nghiệp tới hơn 11,5 triệu người (tính đến năm 2005 mới chỉ có khoảng 49% tìm được việc làm). Ước tính từ năm 2006 - 2010 đất nông nghiệp bị thu hồi khoảng 640.000ha, theo đó xấp xỉ 10 triệu lao động ở nông thôn mất việc làm.

Bảng 1. Cơ cấu lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm theo trình độ chuyên môn (%)

Trình độ chuyên môn	Tổng số	Nam	Nữ
1. Không có chuyên môn kỹ thuật	81,9	77,6	86,5
2. Công nhân kỹ thuật không có bằng	6,5	8,1	4,8
3. Sơ cấp nghề	3,2	4,8	1,5
4. Trung cấp nghề	1,7	2,7	0,6
5. Trung học chuyên nghiệp	3,3	3,4	3,1
6. Cao đẳng nghề	0,2	0,3	0,1
7. Cao đẳng	1,2	0,8	1,6
8. Đại học	2	2,2	1,7

Nguồn: Điều tra lao động & việc làm tại thời điểm ngày 1/9/2009, Tổng cục Thống kê, 2010

Về mặt chất lượng lao động, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của lao động nông thôn nước ta còn rất hạn chế. Điều tra lao động việc làm năm 2009 của Tổng cục Thống kê cho thấy trình độ chuyên môn của lực lượng lao động nông thôn nước ta nói chung còn rất thấp. Tỷ lệ lao động chưa có chuyên môn kỹ thuật, chưa có kỹ năng và cũng chưa qua đào tạo chiếm tới 82% tổng số lao động nông thôn cả nước. Lao động có kỹ năng (đã qua đào tạo bao gồm cả được cấp bằng và không cấp bằng) chỉ chiếm khoảng 11,6%, trong đó chỉ có 2,4% số lao động nông thôn có trình độ cao đẳng, đại học (bao gồm cả cao đẳng nghề), 5% lao động có trình độ trung cấp (kể cả trung cấp nghề), 3,2% có trình độ sơ cấp nghề, còn lại khoảng 6,5% là công nhân kỹ thuật nhưng chưa có bằng. Chỉ tiêu này đối với lao động nữ khu vực nông thôn còn thấp hơn nhiều, với 86,5% tổng số lao động nữ nông thôn chưa qua đào tạo, trong số gần 13,5% còn lại đã qua đào tạo kỹ năng chỉ có 2,4% là được đào tạo ở cấp cao đẳng hoặc đại học, 3,7% ở cấp trung học chuyên nghiệp và tới 4,8% được gọi là công nhân kỹ thuật nhưng chưa được cấp bất kỳ loại văn bằng hoặc chứng chỉ nghề nghiệp nào (Tổng cục Thống kê, 2010).

Như vậy, có thể thấy rằng cho đến thời điểm điều tra năm 2009 số lượng lao động

cần được đào tạo về nghề nghiệp còn rất lớn, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ 81,9% lao động cần đào tạo nghề, tương đương với khoảng gần 30 triệu lao động nông thôn (năm 2009) là một số lượng không nhỏ và cũng không dễ dàng đáp ứng với hệ thống cơ sở đào tạo nghề (cung đào tạo nghề) như của Việt Nam hiện nay.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số được xem là chìa khóa để đa dạng hóa sinh kế, giúp họ thoát được 'bẫy đói nghèo – poverty trap' để giảm nghèo bền vững. Kinh nghiệm phát triển nông thôn ở các nước trên thế giới cũng đã chỉ rõ đào tạo nghề cũng là phương thức hữu hiệu để người lao động có thể chuyển đổi nghề nghiệp sang những ngành nghề đem lại cho họ thu nhập cao hơn, tránh được 'bẫy thu nhập trung bình'. Hơn thế nữa, đòi hỏi đào tạo lực lượng lao động tay nghề cao, trong đó có lao động nông thôn theo yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước là một trong những vấn đề bức xúc cần phải được giải quyết ngay từ thời điểm này.

Để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trước hết cần xác định số lượng lao động cần được đào tạo nghề và các ngành nghề cần đào tạo. Trong thời gian tới, sự chuyển dịch cơ cấu lao

động giữa các ngành, vùng, khu vực kinh tế sẽ còn tiếp tục diễn biến mạnh hơn nữa nhằm hợp lí hoá cơ cấu và tối ưu hoá việc sử dụng lực lượng lao động cho cả khu vực nông thôn và thành thị. Vì vậy, dự báo lao động nông thôn sẽ được chia thành 2 nhóm đối tượng chính:

Lao động ở lại khu vực nông thôn, gồm i) Nông dân chuyên nghiệp là những người sống tại khu vực nông thôn, chuyên sản xuất nông nghiệp với quy mô xuất lớn, khả năng chuyên môn hoá cao... và ii) Lao động làm các ngành nghề phi nông nghiệp như các nghề truyền thống, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp... tại nông thôn.

Lao động rời khỏi nông thôn, gồm i) Khối chính thức là những người di cư ra thành phố với những công việc tương đối rõ ràng, chính thức; ii) Khối không chính thức thường là những người di cư ra thành phố một cách tự do và iii) Lao động xuất khẩu.

Ngoài ra còn một nhóm nữa cũng cần được quan tâm, đó là học sinh đến tuổi học nghề nhưng chưa có việc làm. Đây cũng là một nhóm cần được đưa vào trong tầm ngắm của hệ thống đào tạo nghề để làm cơ sở cung cấp đầu vào cho lực lượng lao động trong tương lai.

3.1.2. Thực trạng nguồn cung đào tạo nghề

Theo số liệu của Tổng cục Dạy nghề (2010), hiện nay cả nước có 2.052 cơ sở dạy nghề (trong đó có 55 trường cao đẳng nghề, 242 trường trung cấp nghề, 632 trung tâm dạy nghề và 1.123 cơ sở giáo dục, lớp dạy nghề tại doanh nghiệp tại các làng nghề... có chức năng và nhiệm vụ dạy nghề). Trong đó, các cơ sở công lập chiếm khoảng 62% tổng số các cơ sở dạy nghề hay nói cách khác Nhà nước vẫn đang đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống dạy nghề do hầu hết các cơ sở ngoài công lập đều có quy mô nhỏ. Ngoài ra cũng có thể kể đến mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề không chính thức như các cơ sở sản

xuất làm nghề truyền thống hoặc các cộng đồng địa phương với các trung tâm học tập cộng đồng. Có thể nói các hình thức tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn hiện nay rất đa dạng về cả hình thức tổ chức, tên gọi, cơ quan quản lý và hình thức sở hữu từ trung ương tới địa phương. Mạng lưới cơ sở dạy nghề có quy mô đào tạo khoảng 1.700.000 người/năm (quy mô tuyển sinh năm 2007 - 2008 là 1.436.000 người).

Các số liệu trên cho thấy, mặc dù hiện nay đã được quan tâm phát triển khá mạnh mẽ nhưng mạng lưới hệ thống cơ sở đào tạo nghề nước ta chưa đáp ứng nhu cầu thực tế (mới chỉ nói về số lượng chứ chưa nói đến chất lượng). Giả sử trong thời gian tới nhu cầu lao động tay nghề cao không gia tăng và mạng lưới cơ sở đào tạo nghề được giữ nguyên như hiện tại thì phải mất khoảng 20 năm nữa mới đào tạo được hết lực lượng lao động nông thôn chưa qua đào tạo hiện nay. Mặt khác, việc quá tập trung hoạt động đào tạo nghề trong các cơ sở công lập và khả năng xã hội hoá hiện còn rất hạn chế đã làm trầm trọng thêm tình trạng cung không đáp ứng đủ cầu trong lĩnh vực này.

Tóm lại, có thể nói nguồn cung cầu trong lĩnh vực đào tạo nghề của nước ta hiện nay là rất mất cân bằng, hay nói đúng hơn là cung đào tạo nghề là quá thấp so với cầu đào tạo nghề.

Đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước và đã có những cơ chế, chính sách cùng các giải pháp thực hiện khá đồng bộ. Mặc dù vậy, quá trình triển khai công tác đào tạo nghề những năm trước đây còn bộc lộ một số tồn tại như sau:

Thứ nhất, về vai trò của Nhà nước, vẫn còn những bất cập chủ yếu liên quan đến cơ chế, chính sách về dạy nghề - đặc biệt là dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn còn tản mạn, có quá nhiều chương trình, dự án dạy nghề, chưa thống nhất dẫn tới sự chồng chéo, kém hiệu quả. Các bất cập nổi bật được

xác định bao gồm: giới hạn đối tượng, thời gian đào tạo, quy định số học viên/lớp chưa hợp lý, mức hỗ trợ thấp và bất cập trong cơ chế lồng ghép, thủ tục thanh quyết toán kinh phí,... Bên cạnh đó, việc phối hợp giữa cơ quan chủ trì triển khai (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) và các cơ quan khác có liên quan tại địa phương là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Hội Nông dân... chưa tốt, dẫn đến việc triển khai chủ yếu do cơ quan chủ trì thực hiện. Điều này làm cho việc đào tạo nghề không theo yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội địa phương mà theo năng lực sẵn có của các cơ sở đào tạo. Mặc dù Luật Dạy nghề đã được ban hành tuy nhiên, vẫn còn nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Luật chưa được các cơ quan liên quan ban hành.

Thứ hai, về hệ thống đào tạo nghề: Hệ thống đào tạo nghề của Nhà nước vẫn còn chiếm ưu thế tuyệt đối, xã hội hóa công tác đào tạo nghề vẫn chưa đạt được các kết quả như mong đợi. Rất ít trường nghề ngoài công lập, đặc biệt, thiếu vắng các cơ sở dạy nghề của nước ngoài. Việc tổ chức đào tạo cho nông dân chưa linh hoạt, chưa phù hợp với đặc điểm của lao động nông thôn - thường là lao động chính trong hộ, rất khó có thể tạm dừng công việc để đi học. Chưa có nhiều sự đa dạng các mô hình đào tạo nghề phù hợp với đặc điểm của lao động nông nghiệp - nông thôn. Chưa huy động được đội ngũ chuyên gia nông nghiệp, nghệ nhân, các viện nghiên cứu và các hội nghề nghiệp tham gia quá trình đào tạo làm cho kiến thức đào tạo nghèo nàn, chưa phù hợp với thực tế và chưa đưa được công nghệ mới vào trong đào tạo. Công tác tư vấn nghề nghiệp cũng chưa tốt. Người nông dân thiếu thông tin về nghề nghiệp, về định hướng phát triển kinh tế, xã hội, về cơ hội việc làm. Từ đó, dẫn đến việc lựa chọn ngành nghề đào tạo theo cảm tính, sau khi tốt nghiệp không ứng dụng kiến thức, kỹ năng được học vào hoạt động nghề nghiệp của mình. Tình trạng bỏ học nhiều

dẫn đến khó khăn cho quá trình đào tạo và quản lý của cơ sở đào tạo và các cơ quan có liên quan. Nhiều cơ sở đào tạo không xác định được mục tiêu rõ ràng về kết quả đào tạo dẫn đến việc đào tạo nghề chưa thực sự gắn kết với giải quyết việc làm, định hướng và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế tại địa phương.

Thứ ba, còn tồn tại quan điểm, nhìn nhận chưa thực sự chuẩn xác về công tác đào tạo nghề; vẫn còn tư tưởng thụ động, ỷ lại, coi đây là công tác xã hội, là nhiệm vụ của Nhà nước. Cần có sự đổi mới tư duy về công tác dạy nghề, xác định rõ đó là loại hình dịch vụ (dịch vụ công trong một số trường hợp nhất định). Trên cơ sở đó, cần tôn trọng các nguyên tắc vận hành của cơ chế thị trường đối với cung - cầu đào tạo nghề. Nhà nước chỉ can thiệp, hỗ trợ khi xuất hiện những thất bại của thị trường đòi hỏi các can thiệp cần thiết của Nhà nước đối với các hàng hóa công, dịch vụ công.

3.2. Định hướng đổi mới tư duy dạy nghề cho lao động nông thôn

3.2.1. Định hướng chung

Theo quan điểm thị trường, hệ thống đào tạo nghề cần được coi như một loại hình cung cấp dịch vụ, trong đó các dịch vụ cần được đa dạng hoá cả về loại hình, hình thức cung cấp và người cung cấp. Trên cơ sở đó, tổ chức hệ thống đào tạo nghề cần trả lời được các câu hỏi sau: i) Ai là người cung cấp dịch vụ (đào tạo nghề)? ii) Ai là người có nhu cầu cần đào tạo? và iii) Đào tạo cái gì?

Ngoài ra, với đặc thù của Việt Nam, để tổ chức hoạt động đào tạo nghề có hiệu quả, Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ cho cả 2 phía người cung cấp dịch vụ và người có nhu cầu sử dụng dịch vụ. Các hỗ trợ sẽ bao gồm nhiều loại hình khác nhau và sẽ tập trung trong 2 lĩnh vực: i) Các hỗ trợ cho hệ thống đào tạo và ii) Các hỗ trợ cho người tham gia đào tạo.

Với hiện trạng hiện nay, chỉ khi nào đáp ứng được các vấn đề trên, hệ thống cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn Việt Nam mới có thể thực hiện mục tiêu đề ra là đào tạo được một lực lượng lao động tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

3.2.2. Các đề xuất chính

- *Về vai trò của Nhà nước:* Giai đoạn hiện nay, trong điều kiện hệ thống cơ sở đào tạo nghề nước ta còn nhiều bất cập, việc Nhà nước cung cấp các hỗ trợ ban đầu để khởi động và khuyến khích sự phát triển của hệ thống này là rất cần thiết. Tuy nhiên, cần xác định quan điểm nhất quán ngay từ đầu là phải xác định đúng vai trò hỗ trợ của Nhà nước, tránh tình trạng bao cấp tràn lan, làm mất động lực phát triển của cả hệ thống. Cụ thể, Chính phủ nên đóng vai trò hỗ trợ trong giai đoạn đầu nhằm đầu tư cơ sở hạ tầng cho hệ thống đào tạo nghề như xây dựng trường lớp với quy mô và quy hoạch hợp lí.

- *Chương trình quốc gia về Đào tạo nghề:* Trước mắt, cần khẩn trương xây dựng và triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tạo ra một hệ thống đào tạo nghề được chuẩn hoá, ít nhất là ở cấp quốc gia và tiến tới sẽ là theo tiêu chuẩn quốc tế. Chương trình này sẽ được xem như là một cơ sở nền tảng ban đầu làm bàn đạp cho sự phát triển một cách độc lập, tự chủ của hệ thống đào tạo nghề Việt Nam trong tương lai. Chương trình cần bao gồm cả các loại ngành nghề truyền thống vốn là một trong những thế mạnh của Việt Nam nhằm lưu giữ và phát triển được các ngành nghề này vừa gìn giữ truyền thống văn hoá vừa góp phần phát triển kinh tế đất nước.

- *Chuẩn hoá hệ thống đào tạo nghề:* Cần chỉ đạo quy chuẩn giáo trình trên toàn quốc cho từng loại ngành nghề đào tạo, mở rộng và tăng cường năng lực cho chính đội ngũ giáo viên đào tạo nghề, các cơ quan chức năng đóng vai trò kiểm tra, giám sát quá

trình thực hiện. Việc chuẩn hoá cần phải bao gồm được cả 4 lĩnh vực *dạy, học, thi và cấp bằng* nhằm tối ưu hoá việc sử dụng các nguồn hỗ trợ của Nhà nước và đạt được chất lượng đầu ra tốt nhất. Tất nhiên, để có thể thực thi được mục tiêu này cho một mục tiêu lớn hơn là đào tạo được lực lượng lao động tay nghề cao chắc chắn sẽ cần có một khoản ngân sách không nhỏ. Tuy nhiên, ngân sách được sử dụng một cách đúng đắn và hiệu quả sẽ mang lại những kết quả lớn hơn, góp phần phát triển kinh tế đất nước một cách nhanh chóng, mạnh mẽ và bền vững.

- *Xã hội hoá đào tạo nghề:* Một trong những hỗ trợ chính sách quan trọng Chính phủ cần sớm đưa ra đó là các chính sách nhằm khuyến khích xã hội hoá hệ thống đào tạo nghề. Các chính sách này nên bao gồm việc xem xét cổ phần hoá các trường công lập hiện có hoạt động kém hiệu quả, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước tham gia đầu tư cho lĩnh vực đào tạo nghề và hơn nữa là khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia liên doanh, liên kết hoặc đầu tư cho lĩnh vực đào tạo nghề ở Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư cho lĩnh vực dạy nghề còn khá mờ nhạt một phần do chưa có các chính sách hỗ trợ cụ thể và đủ mạnh để khuyến khích nhà đầu tư. Do đó, để có thể xây dựng và phát triển được một hệ thống đào tạo nghề, Chính phủ cần có chính sách thu hút đầu tư mạnh vào lĩnh vực này nhằm tận dụng được mọi nguồn lực cho phát triển.

- *Tổ chức và quản lí đào tạo nghề:* Đây là một vấn đề cần được quan tâm nếu muốn hệ thống đào tạo nghề có thể hoạt động được một cách hiệu quả, đặc biệt là trong thời gian đầu với các hỗ trợ của Nhà nước. Để tránh trường hợp các hỗ trợ của Nhà nước bị sử dụng sai mục đích hoặc kém hiệu quả, quy trình quản lí nên được xây dựng theo hướng phi tập trung, phát huy dân chủ và dựa vào cộng đồng. Với hình thức quản lí này các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng truyền thống cần được khuyến khích để phát triển

tối đa bao gồm cả tăng cường năng lực cho các tổ chức sẵn có nhằm tăng cường khả năng giám sát từ phía cộng đồng đối với quá trình sử dụng các hỗ trợ của nhà nước cho các mục tiêu của Chương trình. Mặt khác, các hỗ trợ của Nhà nước cũng nên được chuyển qua kênh trực tiếp là các cơ sở đào tạo nghề nhằm vừa khuyến khích sự phát triển của mạng lưới này vừa chia sẻ trách nhiệm quản lý các khoản hỗ trợ của Nhà nước một cách chính thống. Trong quy trình này, vai trò của chính quyền địa phương (cấp xã) cũng cần được nhấn mạnh phối kết hợp với các cộng đồng địa phương theo phương châm 'Nhà nước và nhân dân cùng làm' để tăng hiệu quả trong quản lý.

Xây dựng các mô hình đào tạo nghề phù hợp cho lao động nông thôn. Dạy nghề cho lao động nông thôn có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như dạy tại các cơ sở dạy nghề; dạy nghề theo đơn đặt hàng của các tập đoàn, tổng công ty; dạy nghề lưu động (tại xã, thôn, bản); dạy nghề tại doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; dạy nghề gắn với các vùng chuyên canh, làng nghề;... Phương thức đào tạo cũng cần phải đa dạng hoá, phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện của từng vùng, miền..., như đào tạo tập trung tại cơ sở dạy nghề đối với những nông dân chuyển đổi nghề nghiệp (trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, cao đẳng nghề, các trường khác có tham gia dạy nghề...); đào tạo nghề lưu động cho nông dân làm nông dân hiện đại tại các làng, xã, thôn, bản; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường theo kiểu FFS (Farmer Field Schools).

- *Thị trường*: Như đã đề cập ở trên, một trong những yếu tố có thể bảo đảm tính bền vững và hiệu quả để phát triển hệ thống đào tạo nghề chính là cần xem xét hệ thống này dưới góc độ thị trường - coi đây là một dạng cung cấp dịch vụ. Chính vì vậy, việc vận hành hệ thống này kể cả trước mắt và trong tương lai cần bảo đảm các nguyên tắc của thị trường như cân đối cung cầu, thực hiện các

hoạt động marketing... một cách nhuần nhuyễn. Một trong những yếu tố cần nhấn mạnh ở đây, với loại hình dịch vụ này đó là cần phải có một 'cầu nối' giữa phía cung và phía cầu. Cầu nối này có thể là dịch vụ cung cấp thông tin thông thường và cao cấp hơn có thể là cả một mạng lưới dịch vụ tư vấn về lĩnh vực này. Cầu nối này sẽ là một nhân tố quan trọng bảo đảm sự thành công của Chương trình với hiệu quả cao nhất, bảo đảm cung và cầu đào tạo nghề được kết nối và cân đối một cách hợp lý.

4. KẾT LUẬN

Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, công tác đào tạo nghề, đặc biệt cho lao động nông thôn Việt Nam đã có những bước tiến rõ rệt nhưng dường như vẫn là chưa đủ để đáp ứng yêu cầu của công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và đặc biệt là yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Trong tổng số 35 triệu lao động nông thôn, có tới 82% không có chuyên môn kỹ thuật. Trong khi đó, hệ thống các cơ sở đào tạo nghề nước ta vẫn vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng. Quá trình triển khai công tác đào tạo nghề thời gian qua còn bộc lộ những tồn tại khiếm khuyết, đặc biệt liên quan đến các cơ chế, chính sách về dạy nghề. Tiến trình xã hội hóa công tác đào tạo nghề còn chậm, chưa thực sự huy động được mọi thành phần tham gia. Dạy nghề công lập chiếm ưu thế tuyệt đối nhưng chưa có sự đa dạng mô hình dạy nghề để phù hợp với đặc thù của lao động nông nghiệp - nông thôn. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những quan điểm, nhìn nhận chưa thực sự phù hợp về công tác đào tạo nghề, vẫn còn tư tưởng thụ động, ỷ lại của một bộ phận người dân trong xã hội. Đó là những nguyên nhân dẫn đến hiện trạng đại đa số lao động nông thôn Việt Nam vẫn còn chưa qua đào tạo nghề. Trong thời gian tới, song song với tiến trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới,

dưới áp lực của hội nhập kinh tế quốc tế, quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá sẽ càng diễn ra mạnh mẽ. Nhu cầu về lực lượng lao động có tay nghề cao, kỹ năng giỏi sẽ ngày càng lớn. Thậm chí, trong tương lai gần, Việt Nam rất có thể sẽ không thể phát triển kinh tế dựa trên ưu thế về 'lao động rẻ' như trước nữa. Do đó, Nhà nước cần nhanh chóng có những giải pháp mạnh nhằm giải quyết tình trạng này. ở giai đoạn đầu, với vai trò quan trọng cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công, Nhà nước cần quyết liệt triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn và tiến hành chuẩn hóa hệ thống đào tạo nghề. Bên cạnh đó, cần tiếp tục xúc tiến quá trình xã hội hóa công tác đào tạo nghề, hoàn thiện và phát triển hệ thống đào tạo nghề với những mô hình dạy nghề phù hợp. Điều rất quan trọng là cần vận dụng nguyên tắc thị trường trong cung cấp dịch vụ dạy nghề cho lao động nông thôn để xây dựng lực lượng lao động tay nghề cao một cách nhanh chóng và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Mạc Tiến Anh (2010). Nghiên cứu một số mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Tổng cục Dạy nghề.
- Phạm Bảo Dương (chủ trì) (2009). Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học.
- Phạm Văn Đình (chủ trì) (2011). Nghiên cứu chính sách phát triển nguồn nhân lực nông thôn đến năm 2020, Báo cáo tổng kết Đề tài trọng điểm Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Tổng cục Thống kê (2010). Báo cáo điều tra lao động và việc làm Việt Nam 1/9/2009.
- Tổng cục Thống kê (2009). Niên giám thống kê 2009, NXB Thống kê.
- Phạm Vũ Quốc Bình (2011). Đào tạo nghề cho lao động nông thôn phục vụ thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới, *Tạp chí Cộng sản Điện tử*, Số 1 (217).